

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HSPT

Ngày 09 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân;

Ông Phạm Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2024/HSPT ngày 30 tháng 5 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Đức T, Giang Quốc T1, Giang Văn L, Nguyễn Thành T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 187/2024/HS-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Đức T, sinh ngày 17/11/2005. Nơi cư trú: thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 11/12, nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Phạm Hoàng L1, và bà Đỗ Thị H. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Giang Quốc T1, sinh ngày 05/3/2007. Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, hiện đang là học sinh lớp 12 Trường THPT T9. Con ông Giang Văn T3 và bà Nguyễn Thị D. Tiền án: Không, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Giang Văn L, sinh ngày 07/3/2007. Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình. Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không. Hiện đang là học sinh lớp 12 Trường THPT T9. Con ông Giang Văn T4 và bà

Trương Thị T5. Tiền án: Không, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nguyễn Thành T2, sinh ngày 28/5/2005. Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ học vấn: 12/12, nghề nghiệp: lao động tự do, con ông Nguyễn Văn X và bà Tạ Thị N. Tiền án: Không, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập: Nguyễn Kỳ S, Ngô Duy Đ, Nguyễn Huy A, Phạm Đình Tiến P, Lưu Hồng A1, Bùi Đức T6, Trần Đức L2, Phan Văn N1, Phạm Đình Đ1 và Trần Bình D1.

Bị hại đồng thời là bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là bị cáo không kháng cáo: Châu Lê Trọng N2, sinh ngày 02/3/2006 (đồng thời là bị cáo trong vụ án). Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Lê Kiên C và bà Vũ Thị H1 (bố mẹ bị hại). Điều cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người bào chữa cho 04 bị cáo có kháng cáo: Luật sư Nguyễn Hồng H2 – Đoàn Luật sư thành phố H, địa chỉ liên hệ: Xóm Q, thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Giang Văn L và Giang Quốc T1: Bà Nguyễn Thị H3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 20/4/2023, Trần Minh N3 - học sinh Trường Trung học phổ thông (THPT) Thái Ninh đi học về đến xã T thì gặp Vũ Văn T7 (học cùng trường). Trà chửi N: “Đ... cụ thằng kia”. Đến tối cùng ngày, N3 và T7 nhắn tin qua ứng dụng Messenger chửi nhau.

Sáng ngày 21/4/2023, trước khi đi học, N3 nhắn tin vào nhóm chat ký hiệu “F” trên ứng dụng Messenger, gồm có 11 bạn thân chơi với nhau, trong đó có 08 học sinh Trường THPT D2 gồm các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Đình Đ1, Lưu Hồng A1, Trần Đức L2, Phạm Đình Tiến P, Nguyễn Kỳ S, Trần Bình D1, Hoàng Ngọc V và 03 học sinh Trường THPT T9 là Trần Minh N3, Bùi Đức T6 và Phạm Xuân Q với nội dung: “Tao bị thằng Trà T 10A3 chửi”, sau đó N3 tắt điện thoại và đến trường.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi tan học, N3 và Q đi cùng bạn học là 02 anh em Đỗ Minh H4, Đỗ Minh Q1 thì gặp T7 tại lán để xe của Trường THPT T9. N3, Q, H4 và Q1 dùng tay, chân, mũ bảo hiểm đánh Trà. Khi thấy có giáo viên đi đến thì dừng lại. Trà được bạn cùng lớp là Tạ Ngọc N4 chở về; N3 và Q ở lại lán xe của trường, khoảng 10 phút sau mới lấy xe và đi về nhà, không đi cùng đường với T7 và N4.

Cũng trong buổi sáng ngày 21/4/2023, nhóm học sinh Trường THPT D2 được tan học sớm, gồm các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Đình Đ1, Lưu Hồng A1, Trần Đức L2, Phạm Đình Tiến P, Nguyễn Kỳ S, Trần Bình D1, Ngô Duy Đ, Phạm Văn N5 và Hoàng Ngọc V rủ nhau về sân bóng thôn S, xã H chơi. T về nhà lấy xoài, ôi và 01 con dao dài khoảng 25cm ra sân bóng ngồi gọt hoa quả ăn cùng nhau. Khi đang ngồi chơi, T dùng điện thoại di động cá nhân, mở đọc được tin nhắn của N3 trên nhóm chat “F” rồi nói với cả nhóm: “Thằng T7 nó xích mích, chửi nhau với thằng N3, xuống để giải quyết”, mục đích của T rủ cả nhóm đi đến Trường THPT T9 tìm đánh T7. Cả nhóm đồng ý đi. T cầm dao giấu vào trong túi quần phía trước bên phải đang mặc. Đ1 đi xe gắn máy chở T, Hồng A1 đi xe gắn máy chở D1, L2 đi xe gắn máy chở N5, P đi xe máy điện chở V, Đ đi xe máy điện chở S. Trên đường đi, do xe của Đ yếu điện nên Đ chở S đi chậm lại phía sau. Võ không có ý định tham gia nên bảo P chở về nhà. Khi về đến nhà, Võ lại đổi ý đi cùng P, mục đích để can ngăn nếu thấy N3 bị T7 đánh (vì V và N3 ở cùng thôn, là bạn thân từ nhỏ). P lấy ở nhà V 01 con dao rựa dài 44cm, khi thấy P lấy dao, V ngăn cản và nói: “Để dao ở nhà cho bố tao làm” nhưng P vẫn cầm để vào trong cốp xe máy điện rồi chở V đi cùng. Khi đến gần cổng Trường Mầm non xã T, cách cổng Trường THPT T9 khoảng 100m, T, Đ1, Hồng A1, D1, L2, N5, P và V dừng lại, mục đích để đợi N3 tan học. T nhắn tin qua Messenger cho N3: “Mày đang ở đâu, có cần tìm thằng Trà giải quyết không?” nhưng không thấy N3 đọc và trả lời tin nhắn, vì lúc này N3 đã tan học, đi về nhà và tắt điện thoại. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, học sinh Trường THPT T9 tan học, có nhiều người và phương tiện tham gia giao thông. Bùi Đức T6 (thành viên trong nhóm chat “F”) đi từ trường ra thì gặp nhóm của T, biết nhóm T đến tìm đánh Trà nên khi nhìn thấy Tạ Ngọc N4 chở T7 đi qua, T6 đã chỉ cho nhóm T. Cả nhóm đi xe đuổi theo T7 đến khu vực trước cửa nhà bà Lê Thị H5, cách cổng Trường Mầm non xã T khoảng 400m thì nhóm của T vượt lên và chặn xe của T7. Hồng A1, L2, D1, N4 và T6 xông vào dùng tay, chân đánh, đá Trà. T dùng tay tát 01 cái vào mặt T7, đánh 02 đến 03 nhát vào người Trà, đồng thời nhặt 01 đoạn gỗ sơn màu đỏ dài 64,5cm, ở khu vực trước cửa nhà bà H5 đánh vào người T7. P mở cốp xe máy điện lấy con dao rựa cầm trên tay chạy đến giờ lên trước mặt T7 đe dọa: “Mày thích gì, mày có thích đánh nhau không?”. Võ can ngăn nên P cầm dao cất vào trong cốp xe. Lúc này Đ mới chở S đi tới, Đ hỏi: “Đánh xong thằng kia chưa” thì có người trong nhóm nói: “Đánh xong rồi”. Sau đó cả nhóm lên xe bỏ đi về hướng xã T. Do lúc này có nhiều học sinh Trường THPT T9 tan học đi về và dừng lại xem nên P, V, Đ1 bị vướng xe, không lấy được xe để đi về cùng với nhóm của mình. Cùng thời điểm này, các bị cáo Giang Quốc T1, Giang Văn L, Nguyễn Thành T2 và Trần Ngọc T8 đều là học sinh Trường THPT T9 và là bạn của T7 đi đến. Nhìn thấy P cầm dao đi từ vị trí T7 bị đánh để vào trong cốp xe. T8, L, T2 và T8 xông vào dùng tay, chân đánh P. Thấy P bị đánh, Đ1 xông vào dùng tay, chân đánh lại nhóm của T1. Khi T, Hồng A1, D1, N4, L2, S, Đ và T6 đi được khoảng 100m, không thấy P, V và Đ1 nên cả nhóm quay lại thì thấy P đang bị đánh thì tiếp tục xảy ra cãi chửi nhau giữa nhóm của T và nhóm của T1. T1 xông vào dùng tay đánh L2, nhóm của T vào can thì bị nhóm của T1 đánh nên cả hai nhóm dùng tay, chân đánh nhau. Khi 02 nhóm đang đánh nhau thì Lê Trọng N2, là bạn của T1 chạy đến nói với T1: “Thằng nào đánh

mày, để anh vào anh chặt nó cho”. T1 không nói gì và ném viên gạch trên tay N2 xuống đất. N2 tiếp tục cầm nửa viên gạch bằng bê tông đi đến đập trúng mũ bảo hiểm T đang đội trên đầu. Nhóm của T định xông vào đánh N2 thì N2 ném viên gạch về nhóm T rồi bỏ chạy thì viên gạch trúng vào mũ bảo hiểm của Nguyễn Hải V1 (bạn gái T) đang đội trên đầu. Thấy vậy, T rút con dao từ trong túi quần bên phải ra, cầm ở tay phải đuổi theo N2. Do lúc này học sinh dừng lại xem đông, N2 không chạy được nên bị T đuổi kịp, cầm dao chém 01 nhát về phía N2. N2 giơ tay trái nên đỡ thì bị T chém trúng vào cổ tay trái. N2 dùng tay đẩy T, làm cả N2 và T bị ngã ra đường, N2 đè lên người Trung. Đ chạy đến dùng tay, chân đánh N2, S cầm 01 viên gạch nhặt trên đường ở tay phải đánh vào đầu N2 01 nhát. Cùng lúc này Nguyễn Huy A (là bạn của T) tan học về, thấy 02 nhóm đánh nhau, Huy A xông vào dùng tay, chân đánh vào vùng lưng và đầu N2. Các học sinh khác và người dân có mặt can ngăn, kéo N2 và T ra. Nhóm của T lên xe bỏ đi về hướng xã T thì T1 đi xe máy điện chở L và T2 ngồi sau cầm gạch đuổi theo. Trên đường đi, L và T2 cầm gạch ném trúng N4 và L2, đồng thời hô: “... chúng mày đứng lại”. Đuổi theo khoảng 500m thì T1 dừng lại. Hậu quả Lê Trọng N2 bị thương ở vùng đầu và tay trái, điều trị ở Bệnh viện Đ2 và Bệnh viện đa khoa tỉnh T từ ngày 21/4/2023 đến ngày 28/4/2023.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 181/KLTTCT-TTPY ngày 09/5/2023 và Kết luận giám định bổ sung số 219/KLTTCT-TTPY ngày 08/6/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y kết luận đối với thương tích của Lê Trọng N2: “Thương tích do vật tày tác động làm rách da vùng đỉnh chằm, vật sắc tác động làm rách da vùng cổ tay trái”. Tỷ lệ tổn thương: “vùng đỉnh chằm có vết sẹo nhỏ: 01%, mặt trước cổ tay trái có vết sẹo nhỏ: 01%, đứt gân gấp cổ tay trụ, khâu phục hồi nối gân gấp di chứng ảnh hưởng đến động tác khớp cổ tay: 06%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định bổ sung là: 08% .

Ngày 12/6/2023, Lê Trọng N2 và người đại diện hợp pháp của N2 có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích.

Bản cáo trạng số 181/CT- VKSTT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình truy tố đối các bị cáo Các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Kỳ S, Ngô Duy Đ và Nguyễn Huy A về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Đình Tiến P, Giang Quốc T1, Lê Trọng N2, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lưu Hồng A1, Bùi Đức T6, Trần Đức L2, Phan Văn N1, Phạm Đình Đ1, Trần Bình D1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự

Bản án hình sự sơ thẩm số 187/2023/HS-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Kỳ S, Ngô Duy Đ và Nguyễn Huy A phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Phạm Đình Tiến P, Giang Quốc T1, Lê Trọng N2, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lưu Hồng A1, Bùi Đức T6, Trần Đức L2, Phan Văn N1, Phạm Đình Đ1 và Trần Bình D1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo S, Đ, A).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kỳ S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Ngô Duy Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo T1, T2 và L).

Xử phạt bị cáo Giang Quốc T1 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bị cáo Giang Văn L 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo N2, P).

Xử phạt bị cáo Lê Trọng N2 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Phạm Đình Tiến P 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo T6, L2, N1, Đ1, A, D1).

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T6 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Đức L2 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Phan Văn N1 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình Đ1 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lưu Hồng A1 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Trần Bình D1 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra án sơ thẩm còn giao các bị cáo được hưởng án treo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục và tuyên về nghĩa vụ của bị cáo được hưởng án treo trong thời gian thử thách của án treo, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 12 năm 2023, bị cáo Giang Quốc T1, bị cáo Giang Văn L, bị cáo Nguyễn Thành T2 kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh từ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự xuống khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự và đề nghị giảm mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng tù xuống mức 12 tháng tù và cho hưởng án treo.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, bị cáo Phạm Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt từ 01 năm xuống 09 tháng tù và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giang Quốc T1 và bị cáo Giang Văn L sửa một phần bản án sơ thẩm số 187/2023/HSST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách do các bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L khi phạm tội và tại phiên tòa phúc thẩm vẫn là người chưa thành niên, còn là học sinh đang đi học nên tạo điều kiện nhằm giúp các bị cáo có cơ hội tiếp tục đi học nhận sự giáo dục của nhà trường và gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Nguyễn Thành T2 tại phiên tòa phúc thẩm là người đã thành niên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T và bị cáo T2 không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Nguyễn Thành T2, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Phạm Đức T và Nguyễn Thành T2. Do kháng cáo của bị cáo T1 và bị cáo L được chấp nhận nên hai bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, kháng cáo của bị cáo T và bị cáo T2 không được chấp nhận nên hai bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Lưu ý bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T1, L, T2 không dùng hung khí khi gây rối trật tự công cộng để áp dụng khoản 1 Điều 318 Bộ

luật Hình sự xét xử các bị cáo. Trường hợp các bị cáo bị xét xử theo khoản 1 thì mức án với các bị cáo là 12 tháng là phù hợp và các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ do thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy với 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo hoàn toàn đủ điều kiện để được hưởng án treo nên kháng cáo của các bị cáo có cơ sở để chấp nhận.

Đối với bị cáo Phạm Đức T, gây thương tích cho bị hại nhưng đã bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, gia đình bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm hình phạt cho bị cáo và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm.

Trợ giúp viên pháp lý của bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L vắng mặt có bài bào chữa gửi Hội đồng xét xử đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T1 và L, giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Đức T, Giang Quốc T1, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Khoảng 11 giờ 30 phút ngày ngày 21/4/2023, tại trục đường liên xã thuộc thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, sau khi tan học đã xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau giữa các nhóm học sinh của Trường THPT D2 và Trường THPT T9. Nhóm của Phạm Đức T, Phạm Đình Đ1, Lưu Hồng A1, Trần Đức L2, Phạm Đình Tiến P, Nguyễn Kỳ S, Trần Bình D1, Ngô Duy Đ, Phạm Văn N5 và Bùi Đức T6 đi xe máy điện, xe mô tô đuôi, chặn đường, đánh Vũ Văn T7 trong đó T dùng tay, chân, gây gổ đánh T7; Hồng A1, L2, D1, N5 và T6 dùng tay, chân đánh T7; P dùng dao đe dọa. Tiếp đó Giang Quốc T1, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 (bạn của T7) dùng tay, chân đánh P. Phạm Đình Đ1 đánh lại nhóm của T8 và tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh nhau giữa nhóm của T và nhóm của T1. Lê Trọng N2 (bạn của T1) dùng gạch đánh lại T thì bị T, S, Đ và Nguyễn Huy A đánh lại, T dùng dao chém trúng cổ tay trái của N2, S dùng gạch đập vào vùng đầu của N2, Đ và Huy A dùng tay, chân đánh N2. Hậu quả Lê Trọng N2 bị thương ở vùng đầu và tay trái, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Đức T, Ngô Duy Đ, Nguyễn Kỳ S và Nguyễn Huy A đã phạm tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của Phạm Đức T, Nguyễn Kỳ S, Ngô Duy Đ và Nguyễn Huy A dùng dao gây thương tích cho bị hại dù thương tích dưới 11% nhưng bị cáo T dùng hung khí nguy hiểm nên phạm tội Cố ý gây thương tích. Sự việc đuổi đánh nhau giữa các bị cáo diễn ra trên trục đường giao thông, gần khu dân cư sinh sống, ngay sau thời điểm tan học của học sinh Trường THPT T9 có nhiều người và phương tiện giao thông qua lại, gây ùn tắc giao thông, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Đình Tiến P, Giang Quốc T1, Lê Trọng N2, Giang Văn L, Nguyễn Thành T2, Lưu Hồng A1, Bùi Đức T6, Trần Đức L2, Phan Văn N1, Phạm Đình Đ1 và Trần Bình D1 đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng". Trong đó bị cáo P có sử dụng dao, các bị cáo N2, L và T2 sử dụng gạch, là loại hung khí, bị cáo T1 không trực tiếp cầm gạch như ba bị cáo trên nhưng biết L và T2 cầm gạch mà vẫn chờ hai bị cáo này đuổi theo nhóm của T là tiếp nhận ý chí của hai bị cáo này nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự như bị cáo L và bị cáo T2. Việc Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo không cầm hung khí dựa vào nội dung kết luận của bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Các bị cáo Hồng A1, T6, L2, N1, Đ1 và D1 đồng phạm với bị cáo P nhưng không biết việc P mang theo dao (hung khí) nên chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Toà án nhân dân huyện Thái Thụy đã xét xử các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Kỳ S, Ngô Duy Đ và Nguyễn Huy A về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Đình Tiến P, Giang Quốc T1, Lê Trọng N2, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lưu Hồng A1, Bùi Đức T6, Trần Đức L2, Phan Văn N1, Phạm Đình Đ1 và Trần Bình D1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Đức T thấy: Trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, chủ động rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác đến Trường THPT T9 để giải quyết mâu thuẫn, là người trực tiếp mang theo con dao gọt hoa quả và trực tiếp cùng các bị cáo Phạm Đình Đ1, Lưu Hồng A1, Trần Đức L2, Phạm Đình Tiến P, Nguyễn Kỳ S, Trần Bình D1, Ngô Duy Đ, Phạm Văn N5 và Bùi Đức T6 chặn đường, dùng chân tay, gây gỗ đánh Vũ Văn T7, dùng dao chém vào cổ tay trái của Lê Trọng N2 gây thương tích 8% cho N2. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên xét bị cáo là người có vai trò cao nhất trong vụ án này, nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cao hơn 03 tháng tù so với các bị cáo Nguyễn Kỳ S, Ngô Duy Đ và Nguyễn Huy A là đảm bảo tính phân hoá khi quyết định hình phạt trong đồng phạm vì vậy không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo là người khởi xướng cầm đầu nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo về việc đề nghị Toà án áp dụng điều luật theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự thay vì khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự khi xét xử đối với bị cáo Giang Quốc T1, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 thấy: trong quá trình đuổi

đánh nhau, các bị cáo L và T2 sử dụng gạch, được xác định là hung khí, bị cáo T1 biết các L, T2 cầm theo gạch nhưng vẫn chờ hai bị cáo đuổi theo nhóm T10 để ném nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự “Dùng vũ khí, hung khí, ...” là đúng pháp luật do vậy có cơ sở xét giảm hình phạt cho các bị cáo. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T1, G và T2 thấy: Các bị cáo có vai trò ngang nhau, đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo L có ông ngoại là người có công nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Bộ luật Hình sự, cả ba bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đều có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo T2 là người đã thành niên, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo T2 chưa cao, thể hiện việc bị cáo có liên quan đến vụ án khác nên việc cho bị cáo hưởng án treo không đảm bảo việc không gây nguy hại cho xã hội và không đảm bảo tính phòng ngừa chung, do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T2. Đối với bị cáo Giang Quốc T1 và bị cáo Giang Văn L, khi phạm tội bị cáo T1 mới 16 tuổi 01 tháng 14 ngày, bị cáo L mới 16 tuổi 01 tháng 16 ngày, là hai bị cáo nhỏ tuổi nhất trong vụ án, hiện nay cả hai bị cáo vẫn chưa thành niên và đang là học sinh lớp 12 của Trường Trung học phổ thông T9, huyện T, tỉnh Thái Bình, nhận thức còn hạn chế, nhất thời a dua theo bạn bè dẫn đến phạm tội nên việc buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù là quá nghiêm khắc trong khi việc xử lý với người dưới 18 tuổi phải đảm bảo lợi ích tốt nhất, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, nên Hội đồng xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo T1 và bị cáo L khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương để các bị cáo có cơ hội được tiếp tục đi học, nhận sự giáo dục của nhà trường, của gia đình, giúp các bị cáo nhận rõ sai lầm, khuyết điểm, sửa chữa và tu dưỡng để phát triển lành mạnh thành công dân tốt. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L chuyển biện pháp chấp hành hình phạt cho hai bị cáo.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Phạm Đức T, bị cáo Nguyễn Thành T2 không được chấp nhận nên bị cáo T, bị cáo T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L được chấp nhận nên bị cáo T1 và bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giang Quốc T1 và bị cáo Giang Văn L, sửa một phần bản án sơ thẩm số 187/2023/HSST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân

huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Nguyễn Thành T2, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Nguyễn Thành T2.

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo Giang Quốc T1, Giang Văn L và Nguyễn Thành T2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo Giang Văn L) Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giang Quốc T1 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/8/2024). Xử phạt bị cáo Giang Văn L 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/8/2024). Giao bị cáo Giang Quốc T1 và Giang Văn L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Nguyễn Thành T2 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 09 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại
- Người đại diện của bị cáo, bị hại
- Người bào chữa cho bị cáo;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Thái Thụy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Thái Thụy;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hiền